

Số: 29/BC-MNĐT VH

Long Biên, ngày 05 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Tháng 6 năm 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên gọi của đơn vị

- Trường mầm non Đô thị Việt Hưng

2. Địa chỉ trụ sở chính

- Địa chỉ: Phố Thép Mới, khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 36577291

- Địa chỉ email: mndtviethung@longbien.edu.vn

- Website: <http://mndothiviethung.longbien.edu.vn>.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

- Trường mầm non chất lượng cao, thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của CSGD

*** Sứ mệnh**

- Tạo dựng môi trường giáo dục An toàn - Tôn trọng - Yêu thương.
- Phát huy năng lực, tính chủ động và sáng tạo của học sinh

*** Các giá trị cốt lõi:**

- Tôn trọng - chính trực - hợp tác - trách nhiệm - quan tâm

*** Tầm nhìn**

- Xây dựng môi trường học tập “Lấy trẻ làm trung tâm”

*** Mục tiêu:**

- Xây dựng trường mầm non chất lượng cao (CLC) Đô Thị Việt Hưng nhằm đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ giáo dục CLC của nhân dân trên địa bàn quận Long Biên và thành phố Hà Nội.

- Cha mẹ học sinh tự nguyện cho con theo học và đóng góp học phí để thực hiện các chương trình giáo dục, dịch vụ chất lượng cao theo nhu cầu.

- Thực hiện mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ từ 15-72 tháng tuổi phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, chú trọng phát triển tình cảm và

kỹ năng xã hội, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

5. Quá trình thành lập và phát triển

- Ngày thành lập: ngày 28/10/2014 (theo Quyết định số 8090/QĐ - UBND của UBND quận Long Biên)

- Ngày hoạt động chính thức: 01/01/2015 với 36 học sinh/5 lớp/26 CBGVNV, đến 30/5/2025 trường có 266 học sinh/15 lớp/52 CBGVNV (trong đó có 02 HĐ thuê khoán và 01 GV âm nhạc). Hiện nay, sau khi học sinh khối MGL ra trường (tính đến tháng 6/2025) trường có 182 học sinh/15 lớp/47 CBGVNV.

- Ngày 01/01/2020: trường được giao tự chủ chi thường xuyên.

- Là trường điểm: mô hình trường CLC; trường học điện tử; điểm toàn diện chương trình GDMN; xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm; ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến của quận Long Biên và Thành phố Hà Nội.

*** Thời gian được công nhận đạt tiêu chí trường chất lượng cao**

- Ngày 22/4/2015: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội phê duyệt Chương trình bổ sung nâng cao của trường mầm non Đô thị Việt Hưng (Quyết định số 4968/QĐ - SGD&ĐT).

- Ngày 26/8/2016: UBND Thành phố Hà Nội Quyết định công nhận trường MN Đô Thị Việt Hưng đạt tiêu chí Chất lượng cao (Quyết định số 4670/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội).

- Ngày 08/4/2021:

+ UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt Đề án trường MN Đô Thị Việt Hưng đạt tiêu chí Chất lượng cao giai đoạn 2021-2026 (Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội).

+ UBND Thành phố Hà Nội Quyết định công nhận trường MN Đô Thị Việt Hưng đạt tiêu chí Chất lượng cao (Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội).

*** Các thành tích đã được ghi nhận:**

- Năm học 2015 - 2016 : Tập thể LĐXS cấp thành phố
- Năm học 2016 - 2017: Bằng khen của Bộ GD&ĐT
- Năm học 2017 - 2018: Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố
- Năm học 2018 - 2019: Tập thể LĐXS cấp thành phố
- Năm học 2019 - 2020: Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố
- Năm học 2020 - 2021: Cờ thi đua xuất sắc của UBND Thành Phố HN
- Năm học 2021 - 2022: Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố
- Năm học 2022 - 2023: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Năm học 2023 - 2024: Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố

- Năm học 2024 - 2025: Tập thể LDXS cấp thành phố
- Trường chuẩn quốc gia mức độ 2; Kiểm định chất lượng GD đạt cấp độ 3
- Liên tục đạt Tập thể LDXS; Tập thể LĐTT; trường học an toàn PTTNTT; trường tiên tiến TĐTT; Đơn vị đạt chuẩn văn hóa; Trường học điện tử... cấp Quận và Thành phố.
- Đạt nhiều giấy khen, nhiều giải Xuất sắc, Nhất, Nhì, ba trong phong trào thi đua xây dựng GVNV giỏi các cấp và các PTTĐ VHVN-TĐTT.
- Chi bộ: Liên tục đạt hoàn thành XSNV và hoàn thành XSNV tiêu biểu; Đạt chi bộ 4 tốt
- Công đoàn: Liên tục đạt hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt cờ thi đua của LĐLĐ Thành phố, Bằng khen của LĐLĐ Thành phố và Tổng LĐLĐ Việt Nam.

- Chi đoàn: liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

6. Thông tin người đại diện

- Hiệu trưởng: Trần Thị Hoàng Lâm
- Phó hiệu trưởng: Tạ Thị Thanh Vân

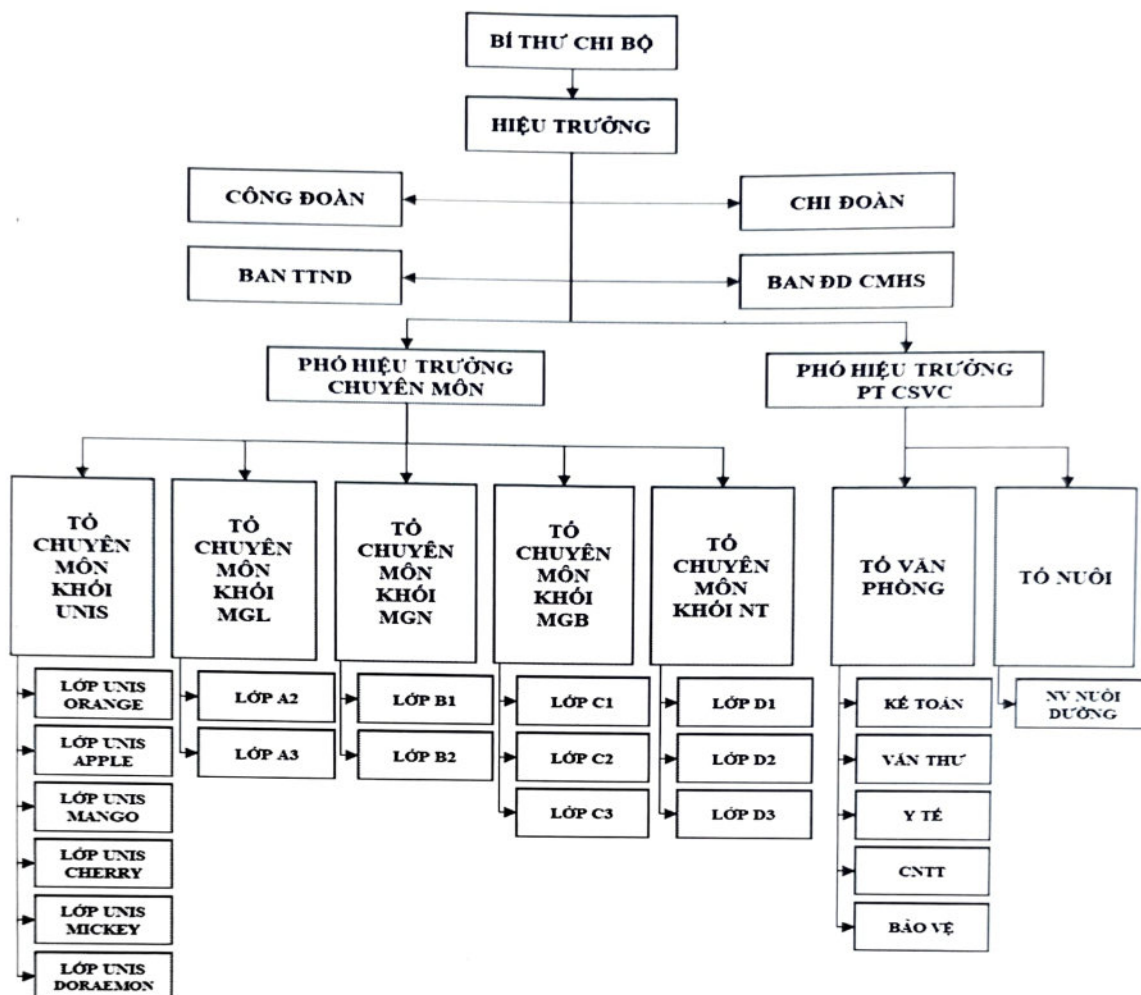
Đặng Thị Lệ Chi

- Cán bộ phòng tuyển sinh: Trần Đức Tuấn
- Điện thoại liên hệ: 024 36577291
- Địa chỉ email: mndtviethung@longbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

- Chi bộ: 24 đảng viên
- Công đoàn: 45 đoàn viên
- Chi đoàn: 27 đoàn viên
- Hội đồng trường: 09 đ/c
- Ban đại diện CMHS: 03 đ/c
- Tổng số CBGVNV: 47 đ/c, trong đó:
 - + BGH: 03 đ/c (01 Hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng)
 - + Tổ dạy: 31 giáo viên (gồm 30 GVMN và 01 GV âm nhạc)
 - + Tổ nuôi dưỡng: 06 nhân viên
 - + Tổ HCVP: 06 đ/c (03 đ/c tổ VP, 02 đ/c tổ bảo vệ)
 - + Hợp đồng khoán việc: 02 đ/c (01 đ/c lao công + 01 đ/c bảo vệ))

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, nhân viên chia theo VTVL và trình độ đào tạo

- Tổng số: 47 đ/c, trong đó:

+ Viên chức: 26 đ/c

Chất lượng viên chức	VTVL lãnh đạo quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chuyên môn dùng chung				VTVL hỗ trợ, phục vụ		Tổng cộng	
	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Giáo viên mầm non	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Kế toán	Văn thư	Thủ quỹ	Y tế	Bảo vệ	Nấu ăn	Tổng số	Tỷ lệ
Trình độ trên đại học	01	01									02/26	8%
Trình độ ĐH		01	22	01							24/26	92%

+ Hợp đồng: 21 đ/c

Chất lượng LĐHĐ	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			VTVL chuyên môn dùng chung					VTVL hỗ trợ, phục vụ			Tổng cộng	
	Giáo viên mầm non	Hỗ trợ GD người khuyết tật	Giáo viên âm nhạc	Kế toán	Văn thư	Thủ quỹ	CNTT	Y tế	Bảo vệ	Nấu ăn	Lao động	Tổng số	Tỷ lệ
Trình độ trình đại học													
Trình độ ĐH	04		01	01								6/21	29%
Trình độ CĐ	03				01		01			03		8/21	38%
Trình độ TC										03		3/21	14%
Trình độ dưới TC									03		01	4/21	19%

2. Số lượng CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp

- **Tổng số CBQL, GV: 33 đ/c, trong đó**

+ CBQL: 03 đ/c

+ Giáo viên: 30 đ/c

- **Số CBQL, GV được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp: 30 đ/c, trong đó**

+ CBQL: 03 đ/c

+ Giáo viên: 30 đ/c

- **Số CBQL, GV không đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp: 02 đ/c, trong đó**

+ CBQL: 00 đ/c

+ Giáo viên: 02 đ/c (01 GV hợp đồng dưới 3 tháng, 01 giáo viên NK âm nhạc)

- **Số lượng CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp:**

Tổng số CBQL, GV được đánh giá	Tổng số	Xếp loại Tốt		Xếp loại Khá		Ghi chú
		SL	%	SL	%	
1. CBQL	03	01	33%	02	67%	
Hiệu trưởng	01	01				
Phó hiệu trưởng	02			02		
2. Giáo viên	30	30	100%	0	0%	

Giáo viên	30	30		0		
-----------	----	----	--	---	--	--

3. Số lượng CBQLGVNV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

- Tổng số: **44/47** đ/c (không tính 01 GV âm nhạc, 02 HĐ khoán việc)

Trong đó:

+ CBQL: 03/03 đ/c = 100%

+ Giáo viên: 30/30 GVMN = 100% (không tính 01 GV âm nhạc)

+ Nhân viên: 11/11 đ/c = 100% (không tính 02 HĐ khoán việc)

III. THÔNG TIN VỀ CSVC

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
I	Tổng số phòng	20	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	20	11,2 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8.896 m ²	34,8 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	6.388m ²	25 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	143,6 m ²	8,4 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	143,6 m ²	8,4 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	25 m ²	1,5 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	25 m ²	1,5 m ² /trẻ em
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	197,28 m ²	0,8 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	3.770	198 bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số)	519	

	v.v...)		
1	Ti vi + Tivi tương tác thông minh	28	
2	Nhạc cụ (Đàn organ)	32	
3	Catsset	15	
5	Đầu Video/đầu đĩa	25	
6	Máy chiếu phi vật thể	20	
7	Máy chiếu projector	27	
8	Màn chiếu	27	
9	Bảng tương tác điện tử	5	
10	Máy in	23	
11	Máy in màu	1	
12	Máy pho to	1	
13	Máy Scan	1	
14	Máy ép plastic	1	
15	Máy tính xách tay	3	
16	Máy vi tính	67	1 bộ/phòng, lớp
17	Tai nghe	44	Cái
18	Camera	98	Mắt
19	Đầu ghi dữ liệu camera	4	Cái
20	Âm thanh giảng dạy	17	Bộ
21	Loa máy tính	31	1 bộ/lớp, phòng
22	Âm thanh ngoài trời	01	Bộ
23	Loa kéo	02	Bộ
24	Âm thanh Hội trường	02	Bộ
25	Bộ lưu điện	12	1 bộ/phòng QL-HC
26	Hệ thống thiết bị cảnh báo chống trộm	02	Cài đặt toàn trường
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	6.785	Số thiết bị/nhóm (lớp)

Giáo cụ Montessori	1574	Bộ
Trống hội	24	cái
Đồ chơi ngoài trời	92	cái
Bàn học sinh, bàn ô sin	174	8 cái/lớp
Ghế học sinh	798	40 cái/lớp
Bảng quay 2 mặt	20	1 cái/ lớp
Giá phơi khăn	20	1 cái/ lớp
Giá để dép	25	
Tủ để giày, dép, học liệu của trẻ	36	1 bộ/1 lớp
Giá đồ chơi góc văn học, âm nhạc, nội trợ, bán hàng, bác sĩ, xây dựng	80 bộ	8 bộ/ lớp
Giá đồ chơi các phòng chức năng	66	
Giá để đồ dùng Montessori	58	Cái
Giá đồ chơi màu trắng khối MGL + khối Unis	112	18 cái/lớp
Tủ đồ dùng cá nhân	28	1-2 bộ/lớp
Tủ để chăn chiếu	28	1-2 bộ /lớp
Chiếu	06	
Giường	475	
Đệm	50	
Tủ cốc	27	1 cái/ lớp/phòng CN
Cốc uống nước	550	30 cái/lớp
Chăn trần bông liền vỏ	200	10 cái/lớp
Chăn thu	200	10 cái/lớp
Gối	450	25-30 cái/lớp
Quạt công nghiệp	3	
Tủ cơm loại 50kg + 10 khay	2	
Tủ úp xoong	1	
Bàn chia ăn	2	

Bàn rửa 3 bồn	2	
Bếp ga công nghiệp to	2	
Tủ xây bát công nghiệp	1	
Tủ lạnh 600l	1	
Tủ cấp đông 550l	1	
Máy xay nước đậu	1	
Máy xay thịt công nghiệp	3	
Máy sục ozon	1	
Máy hút mùi	1	
Máy lọc nước	1	
Xe đẩy 2 tầng	5	
Bàn sơ chế và chế biến thức ăn di động	6	
Xe chia ăn	19	
Thùng đựng gạo inox	1	
Kệ inox	3	
Tủ đựng hàng kho inox	2	
Khay làm caramen inox	38	
Au inox fi22	34	
Bát, thìa ăn cơm và bộ đồ dùng ăn uống	680	
Khay cơm inox kim khí Thăng Long	450	
Máy xay sinh tố	2	
Máy thái củ quả	1	
Máy ép chậm	1	
Máy vắt nước cam	1	
Trận bát	2	
Bộ đồ dùng buffet	2	
Bộ đồ xoong nồi, ấm chia đồ ăn chín	19	
Bộ lưu nghiệm thức ăn	6	

	Bộ hộp đựng bát	19	
	Cân tạ	1	
	Cân chia ấn	2	
	Các loại đĩa	216	
	Ấu, phíp thủy tinh	14	
	Dao, thớt, kéo	20	
	Giá Inox, kệ nồi	11	
	Chân đế đĩa	50	
	Rổ, chậu, xô Inox,	18	
	Bộ xoong chảo để nấu	50	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
				Chung	Nam/Nữ	Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	38 m ²		700 m ²		2 m ² /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(* Theo Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở GD

- Tên tổ chức công nhận trường chuẩn Quốc Gia: UBND thành phố Hà Nội
- Tên tổ chức kiểm định chất lượng GD: Sở GD&ĐT Hà Nội

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non (có hiệu lực từ ngày 10/10/2018, thay thế Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Mức độ đạt kiểm định:

- + Đạt trường chuẩn Quốc Gia mức độ 2
- + Đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3

- Thời hạn, hiệu lực: có giá trị 05 năm kể từ ngày ký

+ Quyết định số 7434/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội công nhận trường MN Đô Thị Việt Hưng đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

+ Quyết định số 92/QĐ-SGD&ĐT ngày 13/01/2021 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc cấp chứng nhận đối với trường MN Đô Thị Việt Hưng đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3.

+ Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND thành phố Hà Nội công nhận trường MN Đô Thị Việt Hưng đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu tuyển sinh 2 năm gần nhất

Năm học	Chỉ tiêu tuyển sinh (Số lượng học sinh theo đề án)					Kết quả tuyển sinh (Số lượng học sinh thực tế)					Tỉ lệ
	Tổng	Nhà trẻ	Bé	Nhỡ	Lớn	Tổng	Nhà trẻ	Bé	Nhỡ	Lớn	
2023-2024	350	59	95	92	104	347	64	107	82	94	99%
2024-2025	365	50	115	100	100	266	36	75	71	84	73%

(Kết quả tuyển sinh năm học 2024 - 2025: tính đến thời điểm tháng 5/2025)

2. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và GD thực tế năm học 2024 - 2025

2.1. Kết quả chất lượng giáo dục

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
-----	----------	---------	----------

I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em đạt được	*/ Cân nặng: - Kênh BT: 100% - Kênh SDD: 0% - Cao hơn tuổi: 0% */ Chiều cao: - Kênh BT: 100% - Kênh thấp còi: 0%	*/ Cân nặng: - Kênh BT: 100% - Kênh SDD: 0% - Cao hơn tuổi: 0% */ Chiều cao: - Kênh BT: 100% - Kênh thấp còi: 0%
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	*/ Thói quen, hành vi: 98% trẻ có thói quen, hành vi, nề nếp đúng trong sinh hoạt và học tập. */ Năng lực nhận thức: - Đạt yêu cầu độ tuổi theo quy định 99,1%	*/ Thói quen, hành vi: 100% trẻ có thói quen, hành vi, nề nếp đúng trong sinh hoạt và học tập. */ Năng lực nhận thức: - Đạt yêu cầu độ tuổi theo quy định 100%
III	Chương trình CSGD mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình bổ sung nâng cao theo Quyết định số 1631/QĐ - UBND ngày 08/4/2021 đã được UBND Thành Phố Hà Nội phê duyệt và Kế hoạch số 15/KH-MNĐTVII ngày 19/4/2024 KH thực hiện Đề án trường CLC năm học 2024-2025 đã được UBND quận phê duyệt. - 100% trẻ được tham gia các hoạt động bổ trợ: + Steamkids (1 tiết/tuần) + Gymkids (1 tiết/tuần) + Montessori (1 tiết/tuần) + Tham gia hoạt động tại các phòng chức năng: thể chất, sáng tạo, nghệ thuật, âm nhạc, thư viện, Lego.	Chương trình bổ sung nâng cao theo Quyết định số 1631/QĐ - UBND ngày 08/4/2021 đã được UBND Thành Phố Hà Nội phê duyệt và Kế hoạch số 15/KH-MNĐTVH ngày 19/4/2024 KH thực hiện Đề án trường CLC năm học 2024-2025 đã được UBND quận phê duyệt. - 6/15 lớp áp dụng phương pháp giáo dục tiên tiến của trường Quốc tế liên hợp quốc (UNIS) - 100% trẻ được tham gia các hoạt động bổ trợ: + Steamkids (2 tiết/tuần) + Gymkids (1 tiết/tuần) + Montessori (1 tiết/tuần) + Tiếng Anh: khối CLC 3 buổi/tuần, trong đó có 1 buổi học với người nước ngoài. Khối Unis: 5 buổi/tuần học 100% GV nước ngoài + Tham gia hoạt động tại các phòng chức năng: Kidsmart, thể chất, sáng tạo, nghệ thuật, âm nhạc, thư viện, Lego. - Trẻ được tham gia một số dịch vụ giáo dục theo nhu cầu tự nguyện như: CLB Con học giỏi,

			múa - Aerobic... (1 buổi/tuần)...
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	Đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác CSND và GD trong trường mầm non theo quy định của Bộ GD và đáp ứng đúng tiêu chuẩn của trường mầm non CLC	Đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác CSND và GD trong trường mầm non theo quy định của Bộ GD và đáp ứng đúng tiêu chuẩn của trường mầm non CLC

2.2. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thực tế:

Đơn vị tính: trẻ em

Stt	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng	13-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	266			36	75	71	84
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	266			36	75	71	84
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	266			36	75	71	84
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	266			36	75	71	84
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	266			36	75	71	84
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Kênh bình thường	266			36	75	71	84
2	Kênh dưới -2							
3	Kênh dưới -3							
4	Kênh trên +2							
5	Kênh trên +3							
6	Phân loại khác							
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng							
8	Số trẻ em béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Đối với nhà trẻ							
a	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng							

b	Chương trình GDMN Chương trình GD nhà trẻ Chương trình BX nâng cao	36			36			
2	Đối với mẫu giáo							
a	Chương trình CSGDMG							
b	Chương trình 26 tuần							
c	Chương trình 36 buổi							
d	Chương trình GDMN Chương trình GDMG Chương trình BX nâng cao	230				75	71	84

2.3. Thành tích TĐKT của trường trong năm học 2024 - 2025:

* Công tác phát triển:

- Năm học 2024 - 2025 có: 266 HS/15 lớp/52 CBGVNV

- Có 6 lớp Unis hệ tăng cường tiếng Anh

- Tỷ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp 65%

- Tỷ lệ chuyên cần 95% trở lên

* Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng:

- 100% các lớp học xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, đảm bảo trẻ được an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần.

- Giáo viên nghiêm túc rèn luyện cho học sinh kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng thoát hiểm, kỹ năng phòng chống xâm hại, kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông...phù hợp theo độ tuổi của trẻ thông qua các hoạt động GD.

- Đảm bảo VSATTP. Bếp sắp xếp gọn gàng, khoa học, sạch sẽ. Công khai thực đơn và tài chính. Thực hiện tốt việc giao nhận thực phẩm, khẩu phần ăn, lưu nghiệm thức ăn. Sử dụng phần mềm nuôi dưỡng gokid để tính khẩu phần ăn.

- Không để xảy ra dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong trường. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý nuôi dưỡng và nâng cao chất lượng bữa ăn.

- Định kỳ tổ chức tiệc buffet hàng tháng. Tăng cường hoa quả tươi, sinh tố trái cây, sữa dielac, sữa chua vinamilk vào khẩu phần ăn của trẻ. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đánh răng và trẻ mẫu giáo xúc miệng nước muối hàng ngày sau các bữa ăn. Tăng cường chăm sóc cá nhân, trẻ SDD, TC, BP.

- Duy trì tốt công tác tuyên truyền và giáo dục kỹ năng vệ sinh cá nhân: Đảm bảo 100% trẻ được lau mặt, rửa tay bằng xà phòng, trẻ mẫu giáo được đánh răng, trẻ nhà trẻ được xúc miệng nước muối hàng ngày; đảm bảo trẻ ngủ có đủ chăn, gối, giường, màn để phòng chống dịch bệnh.

- Phối hợp trạm y tế và công ty HAPPY IDEM - mắt sáng Việt Nam tổ chức khám sức khỏe, đo sàng lọc tật khúc xạ mắt cho trẻ 2 lần/năm và thông báo KQ đến PHHS. Kết quả cuối năm không có trẻ SDD, thấp còi, béo phì.

Chỉ số Thời điểm	Cân nặng			Chiều cao	
	Kênh BT	SDD	Cao hơn tuổi	Kênh BT	Thấp còi
Đầu năm	93,6%	1.1%	6,3%	100%	0%
Cuối năm	100%	0%	0%	100%	0%

- 100% các phòng vệ sinh đạt yêu cầu, phù hợp, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh trong trường học.

- 100% CBGVNV nghiêm túc thực hiện QCCS, QC vệ sinh, PTTNTT, thực hiện vệ sinh khử khuẩn hàng ngày, tổng vệ sinh hàng tuần.

- Phối hợp với PHHS kiểm tra giám sát giao nhận thực phẩm 1 lần/tháng, có lưu biên bản đầy đủ.

- BGH và y tế, TTND thường xuyên kiểm tra VSATTP, phòng chống ngộ độc thức ăn và nước uống, vệ sinh đồ dùng ăn uống của trẻ theo hình thức đột xuất và báo trước.

- Thực hiện Tài chính công khai hàng ngày, đảm bảo quản lý thu chi đúng nguyên tắc, công khai, minh bạch.

- Cải tiến, đổi mới hình thức truyền thông quảng bá bằng hình ảnh cho cha mẹ trẻ và cộng đồng biết về thực đơn ăn bán trú, các điều kiện, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ... tại bảng thông tin tuyên truyền và website của cơ sở, phần mềm School up, ứng dụng Driver google.

- Đã tổ chức phun thuốc muỗi, diệt côn trùng, kiến ba khoang, diệt chuột. Khử khuẩn hệ thống bể ngầm và các tec nước toàn trường. Hút bể phốt, thông tắc hệ thống thoát nước, nạo vét cống rãnh, xử lý mùi hôi...xét nghiệm nước theo quy định.

*** Chất lượng giáo dục:**

- Thực hiện tốt chương trình Giáo dục mầm non mới của Bộ GD&ĐT; chương trình bổ sung nâng cao theo Quyết định số 1631/QĐ - SGD&ĐT ngày 08/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội. Tiếp tục áp dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Unis, Montessori, Steam, dạy học dự án trong trường MN.

*** Lớp chất lượng cao: 09 lớp**

- Thực hiện chương trình bổ sung nâng cao với lứa tuổi 15 tháng - 6 tuổi.

- Hoạt động tăng cường: Steamkid; Montessori; Gymkid; Âm nhạc.

+ *Steamkid: Nhà trẻ 04 buổi/tháng. Mẫu giáo 8 buổi/tháng.*

+ *Gymkid: 04 buổi/tháng (Nhà trẻ. Mẫu giáo)*

+ *Montessori: 04 buổi/tháng (Nhà trẻ. Mẫu giáo)*

+ *Cảm thụ âm nhạc: 04 buổi/tháng (Nhà trẻ. Mẫu giáo)*

- + Tiếng Anh mẫu giáo: 03 buổi/tuần
- * **Lớp UNIS tăng cường Tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi: 6 lớp**
 - Dạy học thông qua các chủ đề, dự án.
 - Hoạt động tăng cường: Steamkid; Montessori; Gymkid; Âm nhạc.
 - + Steamkid: 08 buổi/tháng.
 - + Gymkid: 04 buổi/tháng.
 - + Montessori: 04 buổi/tháng.
 - + Cảm thụ âm nhạc: 04 buổi/tháng.
 - + Tiếng Anh: 05 buổi/tuần với GV nước ngoài
 - Trẻ học chương trình Steamkid, GDTC Gymkid bằng tiếng Anh.
 - Tăng cường giáo dục toàn diện thông qua hệ thống CLB tự chọn (mỹ thuật sáng tạo, Gymkids, Steamkids, Aerobic...) nhằm phát triển thể chất, năng khiếu nghệ thuật, rèn luyện kỹ năng.
 - 100% các lớp mẫu giáo có góc kỹ năng thực hành cuộc sống và góc thực hành tiếng Anh (English practice corner).
 - Duy trì tốt việc tổ chức cho trẻ hoạt động tại các phòng chức năng 01 lần/tuần:
 - + Trẻ nhà trẻ: phòng sáng tạo, nghệ thuật, Montessori, thư viện, lego, GDTC.
 - + Trẻ mẫu giáo: phòng sáng tạo, nghệ thuật, Montessori, thư viện, lego, Kidsmart, GDTC.
 - Dạy trẻ kỹ năng thoát nạn, tự bảo vệ, chống xâm hại, PCDB và PCCC.
 - 100% các lớp xây dựng môi trường học tập lấy trẻ làm trung tâm.
 - Thực hiện tốt công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.
 - 100% các lớp ứng dụng phương pháp dạy học tích cực: Montessori, UNIS, STEAM, dạy học dự án trong trường mầm non.
 - 100% các lớp giáo dục nếp sống văn minh thanh lịch cho trẻ. 100% học sinh có thói quen chào hỏi.
 - 100% các lớp soạn giảng trên phần mềm Gokid, ứng dụng bài giảng điện tử vào giảng dạy, tích hợp, lồng ghép các nội dung GD nếp sống văn minh đô thị, GD kỹ năng, GD dân số; GD dinh dưỡng, GD Luật lệ ATGT; GD bảo vệ môi trường và thực hành tiết kiệm năng lượng vào kế hoạch tổ chức hoạt động CSGD trẻ, đặc biệt là khối MGL.
 - Trong năm học tổ chuyên môn đã tổ chức thành công nhiều dự án, chương trình có được sự ủng hộ từ các bậc PH: Ngày hội Olympic, Ngày của mẹ, Dự án chú bộ đội, Noel, những chiếc bánh để thương, dự án giá đỗ, rau mầm, sữa hạt, ẩm thực Hà Nội, hoa quả trộn, sữa ngô...

- Năm học 2024 - 2025: tổ chức 27 hoạt động kiến tập điền các cấp, đón PHHS, CBQL, GVMN cốt cán các trường trong quận và huyện về dự:

. Cấp trường: tổ chức 08 hoạt động tại các lớp (Orange, Cherry, Doraemon, A2, A3, B1, B2, C3); 15 hoạt động thao giảng mời PHHS tham dự ngày 20/11.

. Cấp Quận: tổ chức 04 hoạt động kiến tập ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến: Tạo hình con cá từ bóng bay; Sắc màu kỳ diệu; Dạy trẻ tư duy lập trình theo trình tự; Giáo dục trẻ nếp sống VMTL “Sớm mai thức dậy”.

- Duy trì các tổ, nhóm nhóm SHCM vào chiều thứ 5 (2 lần/tháng).

Kết quả chất lượng học sinh:

- Hội thi “Rung chuông vàng - tỏa sáng tài năng tiếng Anh Insprise cấp trường:

100% học sinh khối mẫu giáo tham gia, kết quả:

+ Giải Nhất: 03 bé (Chu Minh Ngọc – Lớp C1; Nguyễn Bảo San – Lớp Cherry; Nguyễn Phương Tuệ An – Lớp A3)

+ Giải Nhì: : 06 bé (Lê Nguyễn Quang Long – Lớp Mickey ; Nguyễn Minh Châu: Lớp Doraemon; Trần Bình Minh – Lớp Mango; Phạm Nhật Linh Linh – Lớp Cherry; Mai Phúc Tuệ An – Lớp Apple; Phạm Xuân Bình – Lớp A3)

+ Giải Ba: 09 bé (Nguyễn Hoàng Thiên Phúc – Lớp C2- Phan Đình Khang – Lớp C1; Nguyễn Minh Khuê- Lớp Mickey; Trần Phúc Minh- Lớp Cherry; Vũ An Nhiên – Lớp B1; Phạm Hoàng Quý Vượng – Lớp B1; Trần Đức Quân – Lớp Apple; Hoàng Minh Tùng – Lớp A2; Nguyễn Quang Nhật – Lớp A3)

- Hội thi “Liên hoan chúng cháu vui khỏe cấp Quận”: kết quả

+ 01 Giải Nhì: trò chơi vận động

+ 01 Giải Nhì: thi “Rung chuông vàng” bé Dương Đức Anh lớp A2

+ 01 Giải Nhì: thi vẽ tranh “Em yêu Long Biên” bé Dư Gia Hân lớp A3

- Kết quả đánh giá chất lượng học sinh cuối năm học:

+ Tổng số học sinh được đánh giá: 266/266 học sinh (02 học sinh mới nhập học, không đánh giá)

+ Số học sinh đạt yêu cầu độ tuổi: $264/266 = 99,2\%$; trẻ MGL đạt 100%

+ Số học sinh chưa đạt yêu cầu độ tuổi: $02/266 = 0,8\%$

- Đối chiếu KQ đánh giá chất lượng trẻ đạt yêu cầu độ tuổi đầu ra các năm:

Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
99,1%	99,2%

- Xếp loại lớp: $15/15 = 100\%$ đạt lớp tốt.

- Lớp học thân thiện: $15/15 = 100\%$ đạt lớp tốt.

*** Các hoạt động ngoại khóa:**

- 100% trẻ được giao lưu nhóm lớp 1 - 2 lần/tháng
- 100% trẻ được tham gia các hoạt động ngày lễ hội: Khai giảng, trung thu, kỷ niệm 20/10, vẽ tranh kỷ niệm 10 năm thành lập trường, ngày hội thể thao Sasuke nhí năm 2025, Ngày hội tiếng anh và rung chuông vàng, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, ngày quốc tế phụ nữ 8/3, liên hoan bé khỏe bé ngoan, tết Hàn thực, Xuân yêu thương - Tết đoàn viên, ngày hội Olympic, tết thiếu nhi, các hoạt động dạy học dự án, 20/10, Ngày hội sáng tạo...

- Tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại tại khu vui chơi Vinke - Time City. Xem ảo thuật tết thiếu nhi 1/6.

- Tổ chức mừng sinh nhật và tiệc buffet 01 lần/1 tháng.
- 100% trẻ được tập huấn công tác PCCC và thoát nạn.

*** Các dịch vụ chất lượng cao:**

- Duy trì tốt các dịch vụ chăm sóc bán trú; trả muộn; Ăn sáng.
- Tổ chức CLB tự chọn ngoài giờ học theo hình thức tự nguyện.
- Kết quả đo lường chỉ số hài lòng của người dân và các tổ chức, cá nhân chính trị xã hội đối với hoạt động của nhà trường: đạt tỷ lệ 95,18%.

- Phối kết hợp chặt chẽ với các bậc phụ huynh trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ: qua trang Website "[mndtviethung.trường điện tử](http://mndtviethung.truongdienluu.vn)", fanpage, zalo, Email nội bộ, giờ đón trả trẻ, họp PHHS, bảng thông tin tuyên truyền của trường, lớp để trao đổi các chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, văn bản chỉ đạo của Ngành; chương trình học; hoạt động của cô và trẻ; kiến thức CSGD...

- Ứng dụng hiệu quả phần mềm School up điểm danh theo công nghệ AI & Quick Chek in, đảm bảo thông tin cá nhân cũng như hình ảnh của học sinh. Phụ huynh dễ dàng theo dõi quá trình học tập của con, tăng cường sự kết nối và gắn kết giữa PH và nhà trường một cách hiệu quả, thân thiện và chuyên nghiệp.

*** Chất lượng giáo viên:**

- Công tác bồi dưỡng đảng viên:

+ Đã chuyển đảng chính thức cho 03 đ/c, kết nạp 01 đ/c. Cử đi học cảm tình đảng 01 đ/c.

+ Chi bộ đạt: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt Chi bộ 4 tốt

- Công tác quy hoạch cán bộ:

+ Đã bổ nhiệm: 07 đ/c giữ chức vụ tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn

+ Đã quy hoạch: 08 đ/c CBQL nguồn giới thiệu cho Quận

- Công tác bồi dưỡng đội ngũ:

+ Làm tốt công tác bồi dưỡng, thi đua khen thưởng trong nhà trường.

+ Tạo điều kiện 05 đ/c học ĐHSP; 22 đ/c đào tạo chương trình UNIS, 100% CBGV đào tạo chương trình Steam, Dạy học theo dự án lấy cảm hứng từ Reggio Emilia; cử CBGVNV theo học các lớp bồi dưỡng chuyên môn của Thành phố, Quận, PGD tổ chức; Chủ động mời giảng viên về đào tạo chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ, VSATTP, PTTNTT, PCCC và thoát nạn, phần mềm kiểm định CLGD, lập KHGD trên phần mềm Gokids, thiết kế dự án học tập...

+ 100% CBQL và GVMN xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch tự bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu đổi mới của cấp học MN và đáp ứng tiêu chuẩn VTVL

+ Khuyến khích CBQL, giáo viên tự học, cập nhật tài liệu bồi dưỡng thường xuyên tại cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT (địa chỉ <https://moet.gov.vn> Chuyên mục GDĐT - Nhà giáo và CBQL giáo dục), của Sở GDĐT và mạng Internet.

+ Tổ chức các chuyên đề ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến cấp Trường, Quận để GV học tập, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng thực hành sư phạm.

+ Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số trong QL, CSND trẻ, đặc biệt đổi mới phương pháp dạy học.

+ Trường đạt đơn vị học tập mức độ 2

- Kết quả giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng giỏi các cấp:

Năm học	Cấp trường	Cấp quận				Cấp thành phố			
		Nhất	Nhì	Ba	Đạt	Nhất	Nhì	Ba	Đạt
2023 - 2024	27	3		1		Không tổ chức thi			
2024 - 2025	35	4					2		

- Kết quả dự thi ngày hội CNTT các cấp:

Năm học	Giải cấp quận			Giải cấp thành phố		
	Nhất	Nhì	Ba	Nhất	Nhì	Ba
2023 - 2024	3	2	2			2
2024 - 2025	Quận và Thành phố không tổ chức thi					

- Phong trào SKKN:

Năm học	Số lượng	Loại A	Loại B	Loại C	Không loại	Cấp Quận	Cấp thành phố
2023 - 2024	35	10	19	6	0	10	

2024 - 2025	34	09	23	2	0	9	
-------------	----	----	----	---	---	---	--

- 100% sáng kiến, đề tài nghiên cứu đạt cấp Quận của CBGVNV đã được triển khai và ứng dụng vào thực tiễn tại đơn vị và trường bạn đem lại hiệu quả cao, tiêu biểu có: sáng kiến "*Khai thác hiệu quả mô hình trường học điện tử trong công tác quản lý tại trường Mầm non CLC*"; sáng kiến "*Giải pháp tạo động lực làm việc cho giáo viên ở trường mầm non Đô Thị Việt Hưng*"; sáng kiến "*Một số biện pháp ứng dụng AI, phần mềm trực tuyến thiết kế các bài giảng, trò chơi tương tác cho trẻ*".

- Kết quả đánh giá công chức, viên chức năm học 2024 - 2025:

+ Năm học 2024 - 2025: có 50/52 CBGVNV được đánh giá; 02 GVVN không được đánh giá (01 lao công, 01 bảo vệ là hợp đồng khoán). Kết quả:

Tổng số CBGVNV được đánh giá	HTXSNV		HTTNV		HTNV		Không HTNV	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
50	10	20%	40	80%	0	0%	0	0%

+ Không có cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị kỷ luật.

- Kết quả khen thưởng tổng kết năm (CSTĐ, LĐTT):

Năm học	Lao động tiên tiến		Chiến sĩ thi đua
2024 - 2025	45	90%	06

- Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp:

+ 03/03 CBQL được đánh giá theo Chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trong đó: 1/3 đ/c = 33% xếp loại tốt, 2/3 đ/c = 67% xếp loại khá.

+ 34/34 = 100% GV được đồng giở xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN, trong đó 32/34 giở vờn = 94% xếp loại tốt. 02/34 giở vờn = 06% xếp loại khỏ. 01 giáo viên chuyên biệt (HĐ) dạy cảm thụ âm nhạc nên không đánh giá.

- Kết quả thực hiện phong trào thi đua năm học 2024-2025:

*/ Triển khai hiệu quả Kế hoạch "*Nhà trường cùng chung tay phát triển - Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm*" giai đoạn 2022-2025.

- Chia sẻ chuyên môn, phát triển chương trình, quay 12 clip các giờ dạy mẫu gửi trường MN Giang Biên và MN Tam Đồng - huyện Mê Linh học tập. Tổ chức tham quan, chia sẻ chuyên môn, tặng 2 chiếc bàn ánh sáng cho trường mầm non Tam Đồng.

- Đón đoàn 250 CBQL và GV cốt cán toàn quận về tham dự 04 hoạt động kiến tập ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Unis, Steam.

*/ Hội thi GVG cấp trường: 35 GV tham dự, kết quả:

- Giải Nhất: 03 (Cô Tuyết Mai, Mỹ Chinh, Như Quỳnh)
- Giải Nhì: 06 (Cô Bích Thủy, Hương Trang, Ánh Tuyết, Tường Vân, Thùy Dương, Dương Huyền)
- Giải Ba: 13 (Cô Quỳnh Anh, Trần Trang, Trần Nhung, Nguyễn Giang, Cẩm Nhung, Lan Anh, Đỗ Thảo, Vũ Loan, Lò Tuyết, Huyền Trang, Thanh Nhân, Khánh Linh, Hải)

- Đạt GVG: 15 GV

*/ Hội thi nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp trường: 06 NV tham dự, kết quả:

- Giải Nhất: 01 (đ/c Duy Long, Nga)
- Giải Nhì: 01 (đ/c Giang, Liên)
- Giải Ba: 02 (đ/c Xuân, Nam)

*/ Hội thi GVG cấp Quận: 02 GV tham dự, kết quả:

- Giải Nhất: 02 (đ/c Dương Huyền, Tuyết Mai)

*/ Hội thi nhân viên nuôi dưỡng giỏi “Ngày hội dinh dưỡng” cấp Quận:

- Giải Nhất: 02 (đ/c Nam, Xuân)

*/ Hội thi nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp Thành phố:

- Giải Nhì: 02 NV (đ/c Long, Liên)

*/ Hội thi SKKN các cấp:

- Cấp trường: đạt 34 SKKN
- Cấp Quận: đạt 09 SKKN

*/ Các Hội thi, phong trào khác:

- 01 giải Nhì tại Liên hoan ca múa nhạc “Đất nước trọn niềm vui”- Quận Long Biên năm 2025 chào mừng kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Cô giáo Trần Như Quỳnh đạt giải thưởng “Nhà giáo Hà Nội tâm huyết sáng tạo lần thứ VIII năm 2024” cấp Thành phố. Đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” năm 2024 cấp Quận.

- Cô giáo Cẩm Nhung đạt giải Nhất “Giải thưởng nhà giáo Hà Nội tâm huyết sáng tạo lần thứ IX năm 2025” cấp Quận.

- 1 giải Nhì Trò chơi vận động, 1 giải nhì thi vẽ tranh chủ đề “Em yêu Long Biên”, 1 giải Nhì trò chơi Rung chuông vàng tại Liên hoan Bé khỏe bé ngoan cấp Quận năm học 2024 - 2025.

- Tích cực tham gia các chương trình nghệ thuật “Giang Biên - vùng đất văn hiến” chào mừng Đại hội Đảng các cấp; chào mừng kỷ niệm 50 năm giải phóng

miền Nam, thống nhất đất nước; kỷ niệm 10 năm thành lập trường; ngày hội dinh dưỡng; liên hoan bé khỏe bé ngoan; chào mừng thành lập Đoàn TNCS HCM...

* Công tác giới thiệu, tuyên truyền, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt:

- Cô giáo Bùi Quỳnh Anh được khen thưởng gương “Người tốt việc tốt” cấp Thành phố. Cô giáo Trần Như Quỳnh được khen thưởng “Nhà giáo Hà Nội tâm huyết sáng tạo” cấp Thành phố và danh hiệu “Giỏi việc trường - đảm việc nhà” cấp Quận. Cô giáo Cẩm Nhung đạt giải Nhất “Giải thưởng nhà giáo Long Biên tâm huyết sáng tạo lần thứ IX năm 2025” cấp Quận. Các cá nhân tiêu biểu khác của nhà trường được biểu dương trong các dịp tổng kết, sơ kết phong trào thi đua và các ngày lễ lớn, hội nghị gương điển hình tiên tiến như cô giáo Trần Thị Hoàng Lâm, Đặng Thị Lệ Chi, Tạ Thị Thanh Vân, Nguyễn Thị Hương Trang, Lê Tuyết Mai, Vương Ánh Tuyết, Dương Thị Huyền, Chử Thị Xuân...

- Nhà trường tuyên truyền gương người tốt việc tốt qua chuyên mục “Người tốt việc tốt” trên cổng thông tin điện tử, giới thiệu mỗi tháng 1 gương người tốt việc tốt gửi bài viết về Quận, Liên đoàn lao động.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm những tấm gương tiêu biểu được chia sẻ những việc làm tốt nhằm lan tỏa tinh thần trách nhiệm, sáng tạo đến với đồng nghiệp, góp phần tạo động lực cho CBGVNV không ngừng nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao chất lượng GD trong nhà trường.

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường năm 2024:

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán (đ)	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	14.067.450.637	14.067.450.637
1	Ngân sách NN	299.356.825	299.356.825
	Kinh phí thường xuyên		
	Kinh phí không thường xuyên	299.356.825	299.356.825
2	Thu tại đơn vị	13.768.093.812	13.768.093.812
-	Tiền tồn năm trước chuyển sang	84.614.812	84.614.812
2.1	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	10.901.467.000	10.901.467.000

	<i>Học phí</i>	<i>10.901.467.000</i>	<i>10.901.467.000</i>
2.2	Thu khác.:	2.782.012.000	2.782.012.000
	<i>Thu Thứ 7</i>	<i>95.800.000</i>	<i>95.800.000</i>
	<i>Dịch vụ đón sớm- trả muộn</i>	<i>30.320.000</i>	<i>30.320.000</i>
	<i>Học hè</i>	<i>2.634.142.000</i>	<i>2.634.142.000</i>
	<i>Câu lạc bộ</i>	<i>21.750.000</i>	<i>21.750.000</i>
II	Số thu nộp NSNN		
1	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	0
2	Thu sự nghiệp khác. Trong đó:	0	0
III	Số được để lại chi theo chế độ	14.067.450.637	14.067.450.637
1	Ngân sách NN	299.356.825	299.356.825
	Kinh phí thường xuyên	0	0
	Kinh phí không thường xuyên	299.356.825	299.356.825
2	Thu tại đơn vị	13.768.093.812	13.768.093.812
-	<i>Tiền tồn năm trước chuyển sang</i>	<i>84.614.812</i>	<i>84.614.812</i>
2.1	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	10.901.467.000	10.901.467.000
	<i>Học phí</i>	<i>10.901.467.000</i>	<i>10.901.467.000</i>
2.2	Hoạt động sự nghiệp khác. Trong đó:	2.782.012.000	2.782.012.000
	<i>Thu Thứ 7</i>	<i>95.800.000</i>	<i>95.800.000</i>
	<i>Dịch vụ đón sớm- trả muộn</i>	<i>30.320.000</i>	<i>30.320.000</i>
	<i>Học hè</i>	<i>2.634.142.000</i>	<i>2.634.142.000</i>
	<i>Câu lạc bộ</i>	<i>21.750.000</i>	<i>21.750.000</i>
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	299.356.825	299.356.825
	Loại: 070, khoản: 071	299.356.825	299.356.825
	- Mục: 6600	19.008.000	19.008.000
	+ <i>Tiểu mục: 6605</i>	<i>19.008.000</i>	<i>19.008.000</i>

Mục 6900	122.041.000	122.041.000
- Tiểu mục 6912	122.041.000	122.041.000
Mục 7000	11.678.000	11.678.000
- Tiểu mục 7001	9.447.000	9.447.000
- Tiểu mục 7049	6.774.000	6.774.000
Mục 7100	47.289.000	47.289.000
- Tiểu mục 7103	47.289.000	47.289.000
Mục 7700	99.356.825	99.356.825
- Tiểu mục 7703	99.356.825	99.356.825
C Quyết toán chi nguồn tại đơn vị		
[cấp 400, khoản 40]	13.713.623.825	13.713.623.825
Mục 6000	1.821.831.600	1.821.831.600
- Tiểu mục 6001	1.821.831.600	1.821.831.600
Mục 6100	1.872.811.200	1.872.811.200
- Tiểu mục 6101	235.978.900	235.978.900
- Tiểu mục 6102	1.236.432.900	1.236.432.900
Mục 6300	968.106.500	968.106.500
- Tiểu mục 6301	36.011.500	36.011.500
- Tiểu mục 6305	0	0
- Tiểu mục 6312	601.756.500	601.756.500
- Tiểu mục 6313	30.279.000	30.279.000
- Tiểu mục 6315	206.069.500	206.069.500
Mục 6400	845.972.900	845.972.900
- Tiểu mục 6401	6.774.000	6.774.000
- Tiểu mục 6402	118.815.500	118.815.500
- Tiểu mục 6403	13.036.000	13.036.000
- Tiểu mục 6404	57.876.500	57.876.500

+ Tiểu mục: 6349	18.243.465	18.243.465
- Tiểu mục 6500	363.572.693	363.572.693
+ Tiểu mục: 6501	250.285.508	250.285.508
+ Tiểu mục: 6502	99.147.825	99.147.825
+ Tiểu mục: 6503	0	0
+ Tiểu mục: 6504	14.139.360	14.139.360
- Mục 6550	276.736.551	276.736.551
+ Tiểu mục: 6551	5.954.600	5.954.600
+ Tiểu mục: 6552	190.045.000	190.045.000
+ Tiểu mục: 6599	80.736.951	80.736.951
- Mục 6600	633.070	633.070
+ Tiểu mục: 6601	633.070	633.070
- Mục 6650	84.714.800	84.714.800
+ Tiểu mục: 6657	83.262.800	83.262.800
+ Tiểu mục: 6699	1.452.000	1.452.000
- Mục 6750	420.094.780	420.094.780
+ Tiểu mục: 6751	1.836.000	1.836.000
+ Tiểu mục: 6757	369.904.980	369.904.980
+ Tiểu mục: 6799	48.353.800	48.353.800
- Mục 6900	177.126.808	177.126.808
+ Tiểu mục: 6906	41.881.400	41.881.400
+ Tiểu mục: 6913	14.262.000	14.262.000
+ Tiểu mục: 6921	48.609.408	48.609.408
+ Tiểu mục: 6949	72.374.000	72.374.000
- Mục 7000	6.740.636.007	6.740.636.007
+ Tiểu mục: 7001	454.262.690	454.262.690
+ Tiểu mục: 7049	6.286.373.317	6.286.373.317

- Mục 7050	11.175.000	11.175.000
+ <i>Tiểu mục: 7099</i>	<i>11.175.000</i>	<i>11.175.000</i>
- Mục 7750	206.245.051	206.245.051
+ <i>Tiểu mục: 7799</i>	<i>206.245.051</i>	<i>206.245.051</i>
- Mục 7950	304.965.609	304.965.609
+ <i>Tiểu mục: 7951</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
+ <i>Tiểu mục: 7952</i>	<i>41.600.000</i>	<i>41.600.000</i>
+ <i>Tiểu mục: 7954</i>	<i>143.365.609</i>	<i>143.365.609</i>

- Tình hình tài chính năm 2024:

+ Ngân sách nhà nước được thực hiện chi trả đúng chế độ, đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính

+ Nhà trường làm tốt công tác tự chủ chi thường xuyên tại đơn vị, đảm bảo thu đủ bù chi có tích lũy một phần thực hiện trích lập các quỹ đúng quy định, hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

2. Tình hình tài chính của nhà trường năm 2025:

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2025

Từ ngày 01/01/2025 đến 31/5/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao Năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm
A	Dự toán thu		
I	Tổng số thu	5.622.056.000	5.622.056.000
1	Thu NSNN	0	0
	Mô hình trường học điện tử	0	0
	Chi hoạt động thường xuyên	0	0
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	5.535.306.000	5.535.306.000
	<i>Học phí</i>	<i>5.535.306.000</i>	<i>5.535.306.000</i>
3	Thu sự nghiệp khác	86.750.000	86.750.000
	<i>Thu học thứ 7</i>	<i>45.900.000</i>	<i>45.900.000</i>

	<i>Thu DV đón sớm- trả muộn</i>	<i>25.650.000</i>	<i>25.650.000</i>
	<i>Học hè</i>	<i>15.200.000</i>	<i>15.200.000</i>
II	Số thu nộp NSNN	0	0
1	Phí, lệ phí	0	0
	<i>Học phí</i>	0	0
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	0
	<i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)</i>	0	0
3	Hoạt động sự nghiệp khác	0	0
	<i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>	0	0
III	Số được để lại chi theo chế độ	5.622.056.000	5.622.056.000
1	Thu NSNN	0	0
	Chi Mô hình trường học điện tử	0	0
	Chi hoạt động thường xuyên	0	0
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	5.535.306.000	5.535.306.000
	<i>Học phí</i>	<i>5.535.306.000</i>	<i>5.535.306.000</i>
3	Hoạt động sự nghiệp khác	86.750.000	86.750.000
	<i>Thu học thứ 7</i>	<i>45.900.000</i>	<i>45.900.000</i>
	<i>Thu DV đón sớm- trả muộn</i>	<i>25.650.000</i>	<i>25.650.000</i>
	<i>Học hè</i>	<i>15.200.000</i>	<i>15.200.000</i>
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
	Loại. 070, khoản: 071	0	0
C	Ước chi nguồn tại đơn vị	4.511.209.708	4.511.209.708
	Loại 490, khoản: 491	4.511.209.708	4.511.209.708
	- Mục: 6000	704.533.278	704.533.278
	+ <i>Tiểu mục: 6001</i>	<i>704.533.278</i>	<i>704.533.278</i>
	- Mục: 6050	586.153.716	586.153.716

	+ Tiểu mục: 6051	428.388.716	428.388.716
	+ Tiểu mục: 6099	157.765.000	157.765.000
	- Mục: 6100	98.457.786	98.457.786
	+ Tiểu mục: 6101	15.185.008	15.185.008
	+ Tiểu mục: 6112	261.285.570	261.285.570
	+ Tiểu mục: 6113	7.488.000	7.488.000
	+ Tiểu mục: 6115	80.804.807	80.804.807
	- Mục: 6300	457.390.738	457.390.738
	+ Tiểu mục: 6301	329.222.967	329.222.967
	+ Tiểu mục: 6302	58.778.891	58.778.891
	+ Tiểu mục: 6303	39.153.103	39.153.103
	+ Tiểu mục: 6304	22.062.492	22.062.492
	+ Tiểu mục: 6349	8.173.285	8.173.285
	- Tiểu mục 6500	116.448.025	116.448.025
	+ Tiểu mục: 6501	69.520.810	69.520.810
	+ Tiểu mục: 6502	43.392.375	43.392.375
	+ Tiểu mục: 6504	3.534.840	3.534.840
	- Mục 6550	32.955.091	32.955.091
	+ Tiểu mục: 6551	17.979.600	17.979.600
	+ Tiểu mục: 6599	14.975.491	14.975.491
	- Mục 6600	242.696	242.696
	+ Tiểu mục: 6601	242.696	242.696
	- Mục 6750	122.798.440	122.798.440
	+ Tiểu mục: 6757	103.079.640	103.079.640
	+ Tiểu mục: 6799	19.718.800	19.718.800
	- Mục 6900	4.297.900	4.297.900
	+ Tiểu mục: 6913	4.297.900	4.297.900

428.388.716
157.765.000

- Mục 7000	2.105.282.439	2.105.282.439
+ <i>Tiểu mục: 7001</i>	<i>135.817.307</i>	<i>135.817.307</i>
+ <i>Tiểu mục: 7004</i>	<i>4.620.000</i>	<i>4.620.000</i>
+ <i>Tiểu mục: 7049</i>	<i>1.964.845.132</i>	<i>1.964.845.132</i>
- Mục 7050	15.610.000	15.610.000
+ <i>Tiểu mục: 7053</i>	<i>15.610.000</i>	<i>15.610.000</i>
- Mục 7750	734.000	734.000
+ <i>Tiểu mục: 7799</i>	<i>734.000</i>	<i>734.000</i>

3. Học phí và các khoản thu khác từ người học:
CÔNG KHAI HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Năm học 2024 - 2025	Dự kiến năm học 2025 - 2026
I	Những khoản thu theo quy định			
1.	<i>Học phí và các hoạt động giáo dục chất lượng cao</i>			
Lớp CLC	- Nhà trẻ	Đồng/hs/tháng	3.800.000đ	3.800.000đ
	- Mẫu giáo	Đồng/hs/tháng	3.800.000đ	3.800.000đ
Lớp Unis	- Mẫu giáo	Đồng/hs/tháng	5.100.000đ	5.100.000đ
II	Những khoản thu hộ			
	Bảo hiểm thân thể	đồng/hs/năm	150.000	150.000
	Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS	đồng/hs/năm	Tự nguyện	Tự nguyện
	Sổ LLĐT School up	đồng/hs/tháng	38.000đ	38.000đ
III	Những khoản thu thỏa thuận			
	- Tiền ăn của học sinh bán trú	đồng/hs/ngày	- 40.000/1 ngày - Riêng thứ 6 tuần 4 tuần ăn buffet thu thêm 30.000đ/1 ngày	- 40.000/1 ngày - Riêng thứ 6 tuần 4 tuần ăn buffet thu thêm 30.000đ/1 ngày

- Tiền học thứ 7 + Thu theo tháng: + Thu theo ngày:	đồng/hs/tháng	400.000 150.000	
- Trả muộn + Thu theo tháng: + Thu theo giờ: (Từ 17h30' -> 18h30') (Từ 17h30' -> 19h00')	đồng/hs/tháng đồng/hs/giờ	600.000đ 50.000đ/buổi 70.000đ/buổi (<i>Lưu ý: Không có dịch vụ trả muộn sau 19h00</i>)	600.000đ 50.000đ 50.000đ (<i>Lưu ý: Không có dịch vụ trả muộn sau 19h00</i>)
- Ăn sáng	đồng/hs/bữa	20.000đ	22.000đ
- Tắm rửa	đồng/hs/buổi	50.000đ	50.000đ
- CLB GDTC Gymkids dành cho trẻ từ 15 tháng - 6 tuổi	đồng/hs/tháng (4 buổi)	360.000	360.000
- CLB Steam Kids dành cho trẻ từ 15 tháng - 6 tuổi	đồng/hs/tháng (8 buổi)	360.000	360.000
- CLB con học giỏi dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi:	đồng/hs/tháng (4 buổi)	200.000	
- CLB Múa - Aerobic dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi.	đồng/hs/tháng (4 buổi)	200.000đ	200.000đ
- CLB Võ dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi.	đồng/hs/tháng (4 buổi)	200.000đ	200.000đ
- CLB Đàn Organ dành cho trẻ từ 4 - 6 tuổi	đồng/hs/tháng (8 buổi)	300.000	300.000
- CLB Bé sáng tạo dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi	đồng/hs/tháng (4 buổi)	250.000	250.000
- CLB Tiếng Anh với GVNN dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi	đồng/hs/tháng (8 buổi)		600.000

4. Các khoản chi theo từng năm học:

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN CHI THEO TỪNG NĂM HỌC

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Năm học 2024 - 2025	Ghi chú
----	----------	-------------	------------------------	---------

1	Chi lương, phụ cấp	đồng/năm	4.174.120.257	
2	Chi chuyên môn nghiệp vụ	đồng/năm	4.256.053.392	(Tính BQ 4 tháng năm 2024 và 5 tháng 2025)
3	Chi hội họp	đồng/năm	48.258.000	(Tính BQ 4 tháng năm 2024 và 5 tháng 2025)
4	Thu nhập bình quân hàng tháng của GV			
	- Mức cao nhất	đồng/tháng	15.684.058	(Tháng 5/2025)
	- Mức bình quân	đồng/tháng	10.900.916	
	- Mức thấp nhất	đồng/tháng	5.665.138	
5	Thu nhập bình quân hàng tháng của cán bộ quản lý			
	- Mức cao nhất	đồng/tháng	24.762.265	
	- Mức bình quân	đồng/tháng	20.267.350	
	- Mức thấp nhất	đồng/tháng	17.245.787	
6	Mức chi thường xuyên /hs	đồng/năm		
	Mẫu giáo CLC: 3.800.000 x 9th	đồng/năm	34.200.000	
	Mẫu giáo UNIS: 5.100.000 x 9th	đồng/năm	45.900.000	
	Nhà trẻ: 3.800.000 x 9th	đồng/năm	34.200.000	
7	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	đồng/năm	240.951.918	(Tính BQ 4 tháng năm 2024 và 5 tháng 2025)

5. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện hưởng chính sách xã hội

- Thực hiện nghiêm túc chính sách về miễn giảm học phí và chi phí học tập theo các Nghị định, nghị quyết của Trung ương, Thành phố.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo, các phong trào thi đua, cuộc vận động do Bộ GDĐT, Thành phố, Ngành triển khai phát động:

+ Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

+ Thực hiện tốt chủ đề năm học giai đoạn 2021 đến 2025 của cấp học mầm non Hà Nội: “*Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - hạnh phúc*”, năm học 2024 - 2025 xây dựng mô hình “*Văn hóa trường học – Văn hóa dân gian*” và thực hiện chủ đề của Quận “*Năm hành động vì cảnh quan môi trường đô thị và chuyển đổi số*”

+ Kế hoạch “Nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo vì một trường học hạnh phúc” của Công đoàn ngành Giáo dục Việt Nam.

- Công đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức cho CBGVNV:

+ Đăng ký các danh hiệu thi đua; Đăng ký thực hiện KHHGD

+ Đăng ký học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

+ Ký cam kết không vi phạm đạo đức nhà giáo và nghiêm túc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công sở, nơi công cộng, thực hiện nghiêm LLATGT.

- 100% CBGVNV nghiêm túc thực hiện chỉ thị 05 Bộ chính trị, bộ quy tắc ứng xử của viên chức.

- 100% CBGVNV được tập huấn và nắm vững quy định về công tác phòng chống dịch bệnh trong trường học. Chủ động các hình thức hướng dẫn cha mẹ trẻ phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp.

2. Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong CBGV, NV; Số CB, GV-NV vi phạm:

- Tập thể giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, thống nhất, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội. 100% giáo viên, nhân viên nhà trường gương mẫu chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành, địa phương, đơn vị.

3. Công thư viện, y tế, chữ thập đỏ, phòng chống dịch:

- Thực hiện tốt công tác thư viện trường học theo Thông tư 16 của Bộ GD:

+ Nhà trường xây dựng 1 phòng thư viện với đủ các loại đầu sách truyện, tài liệu chuyên môn cho giáo viên và học sinh sử dụng. Sách truyện được phân loại, sắp xếp khoa học giúp trẻ dễ dàng tiếp cận và tìm kiếm

+ Nhà trường phân công nhân viên văn thư phụ trách phòng thư viện, mã hóa các đầu sách truyện, sử dụng thẻ mượn sách, nhập toàn bộ đầu sách trên hệ thống máy tính để lưu trữ và kiểm kê

+ Tổ chức “Ngày hội đọc sách”, triển lãm tranh minh họa truyện bé yêu thích, mời phụ huynh làm diễn giả kể chuyện cho trẻ nghe thu hút sự tham gia của phụ huynh, học sinh góp phần gắn kết giữa gia đình và nhà trường trong việc phát triển văn hóa đọc

+ Xây dựng góc đọc sách tại mỗi lớp học giúp trẻ được thường xuyên tiếp xúc với sách, hình thành tình yêu đọc sách cho trẻ

+ Thư viện nhà trường đánh giá đạt mức độ 2

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Đảm bảo vệ sinh y tế học đường, VSATTP, VS môi trường sư phạm, VS phòng chống

dịch bệnh, phòng chống TNTT trong trường học. Thiết lập đầy đủ các Hồ sơ QL sức khỏe trẻ và CBGVNV theo quy định. Tổ chức khám sức khỏe cho đội ngũ 1 lần/năm. Cân đo trẻ 4 lần/năm (trẻ SDD, BP, TC cân đo hàng tháng), vào biểu đồ đầy đủ). Tổ chức khám SK cho trẻ 2 lần/năm.

- Công tác phòng chống tai nạn thương tích, an ninh trường học, công tác y tế học đường phòng chống dịch bệnh: được CDC thành phố, Sở y tế, Quận kiểm tra đạt kết quả tốt. Nhà trường có kế hoạch, phương án rõ ràng. 100% CBGVNV và trẻ được đảm bảo về thể chất và tinh thần, trong năm không có TNTT, ngộ độc TP. không có dịch bệnh xảy ra trong trường học. An ninh trường học được giữ vững, không có các hiện tượng trộm cắp.

4. Thực hiện Chương trình 03 của Quận ủy, kết quả:

+ Xây dựng trường học Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh: đạt mức 1 cấp Quận (mức cao nhất)

+ 100% trẻ có thói quen, nề nếp lễ giáo, nếp sống thanh lịch, văn minh; có các kỹ năng sống phù hợp lứa tuổi.

+ Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đoàn đội được giữ vững, đạt nhiều giải cao trong các phong trào thi đua trong các năm qua.

5. Kết quả công tác kiểm tra nội bộ trường học:

- Công tác thanh tra, kiểm tra các cấp đều đạt KQ tốt:

+ Đón Đảng ủy phường Giang Biên kiểm tra thực hiện chương trình 05 Bộ chính trị, NQ TW4/BCH TƯ; PGD&ĐT kiểm tra thực hiện QCCM; công an PCCC kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy 2 lần/học kỳ; Sở y tế, phòng y tế quận, phường KT công tác phòng chống dịch bệnh, VSATTP trong trường học.

- Công tác kiểm tra nghiệp vụ sư phạm GVMN:

+ Thanh tra NVSP 09 GV (cô Trần Nhung, Dương Huyền, Thanh Thủy, Ngọc Linh, Đoàn Loan, Anh Thư, Tuyết Mai, Khánh Linh, Thanh Nhân) đều đạt loại giỏi.

- Các nội dung KTNBTH khác: thực hiện nghiêm túc theo Kế hoạch và đạt kết quả tốt.

6. Kết quả ứng dụng CNTT, thực hiện mô hình trường học điện tử:

- Thiết lập hệ thống hồ sơ quản lý CNTT online, được lưu trữ khoa học theo tháng/năm và chia sẻ với tài khoản của phòng GD&ĐT.

- Cài đặt các phần mềm thiết kế G&ĐT và các phần mềm QL khác

- Xây dựng được kho học liệu hơn 3.000 video, bài giảng điện tử, bài giảng E-learning, các bài tập tương tác, các tư liệu dạy học.

- Khai thác hiệu quả trang fanpage, cổng thông tin điện tử. Ứng dụng triệt để google driver trong công tác quản lý điều hành: QL CSVC, dự giờ thăm lớp, xây dựng lịch công tác tuần BGH, khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng CBGVNV, khảo sát mức độ hài lòng của PHHS về nhà trường, đăng ký chuyển lớp theo các chương trình GD CLC và UNIS online, đăng ký tuyển sinh online ... giúp tiết kiệm thời gian, chi phí,

nắm bắt thông tin sức nhanh chóng, chính xác, đảm bảo công khai, minh bạch và công tác PCDB.

- Tạo lập thêm các chuyên mục riêng trên Web để tương tác với PHHS như: Góc cha mẹ; Truyện kể bé nghe; Bên bé mỗi ngày; Dinh dưỡng, Sức khỏe, Cảm xúc mầm non, thư viện bài giảng điện tử, Album hình ảnh đẹp ...

- Thiết lập hòm thư thông báo đến PHHS: gửi các chương trình, KH, thông báo... tới PHHS nhanh chóng. Qua đó PH nắm bắt các thông tin, hoạt động của nhà trường, của HS kịp thời và phản hồi thông tin, tương tác 2 chiều, tăng tính công khai, minh bạch.

- Tại chuyên mục tài nguyên, nhà trường phân chia theo tháng, học kỳ để GV có thể đăng tải các bài giảng điện tử và chia sẻ dễ dàng hơn trong tổ CM.

- Các tiết học được GV ứng dụng CNTT và các phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, bài giảng E-learning, trò chơi học tập tương tác triệt để, giúp giờ dạy trở nên sinh động và hấp dẫn. Trẻ được làm quen máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, thực hành các phần mềm trò chơi phát triển trí tuệ như: kidsmart, happykid, bút chì thông minh, sắc màu toán học, LQ chữ viết, được học kỹ năng thiết kế và thuyết trình bằng sơ đồ tư duy hình ảnh, kỹ thuật vẽ và đổ màu...tạo sự hứng thú, nâng cao hiệu quả trong dạy và học.

- Khai thác hiệu quả AI trong dạy học, thiết kế kho các bài tập tương tác cho trẻ trên phần mềm: Kahoot; Live work sheet; Edu live, Word wall;...

- Xây dựng kho thư viện số trên ứng dụng Heyzin bao gồm các loại truyện, sách khám phá, kỹ năng sống, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, bài thơ, đồng dao,...

- Số lượt xem bài giảng trên các trang đạt hơn 2000 lượt/bài. Số lượt tương tác và tiếp cận bài giảng trên các trang đạt hơn 4000 lượt/bài.

- Phối hợp công ty GD Insprise và công ty giáo dục thể chất (GDTC) Gymkid xây dựng phần mềm miễn phí cho học sinh về làm quen tiếng Anh Eduplay gần 100 bài và hơn 120 bài tập phát triển GD thể chất Gymkid. Cung cấp tài khoản cho phụ huynh và học sinh truy cập miễn phí để học tập.

- Thực hiện thu học phí không sử dụng tiền mặt và được 100% PHHS hưởng ứng. Giúp tiết kiệm thời gian và tiện lợi, đảm bảo an toàn tài chính cũng như công tác PCDB.

- Triển khai phần mềm sổ LLĐT School up điểm danh học sinh bằng công nghệ AI và phối hợp PHHS trong công tác CSND-GD trẻ: đăng tải thực đơn, chương trình học, thời khóa biểu, tạo đơn xin nghỉ học, các hình ảnh, video của trẻ trong ngày

- Được công nhận đạt mô hình trường học điện tử cấp quận.

7. Việc thực hiện QCDC, 3 công khai trong trường học:

- Thực hiện tốt QCDC, công tác TĐKT, năm Trật tự văn minh đô thị và năm kỷ cương hành chính.

gạch và công

- Thực hiện tốt công tác công khai theo quy định của Bộ GD và Bộ tài chính. Công khai, công bằng, dân chủ trong mọi hoạt động.

- Tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với CBGVNV 1 lần/năm đạt KQ tốt.

- Xây dựng tập thể đoàn kết, nề nếp. Trong năm không có đơn thư khiếu kiện, không có CBGVNV vi phạm đạo đức nhà giáo.

8. Công tác quản lý tài chính, tài sản:

- Thực hiện đúng quy định của tài chính, công khai, minh bạch, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Khai thác và bảo quản tốt các trang thiết bị, CSVC

- Chủ động đầu tư, sửa chữa nhỏ trong trường học theo phân cấp

9. Công tác xây dựng cơ sở vật chất:

- Năm học 2024 - 2025 nhà trường đã đầu tư trị giá hơn 740 triệu đồng.

- + Đầu tư nội thất các phòng chức năng: Cooking kids, Lap edu khu nhà B. Bổ sung đồ dùng, đồ chơi, TTB, đồ dùng bán trú, học phẩm, học liệu, VPP các lớp học.

- + Đầu tư hệ thống biểu bảng, hệ thống cửa, hệ thống vườn hoa, cây cảnh, cây ăn quả, tiểu cảnh, giàn hoa giấy, giàn hoa lan tời, cột khung sắt chống toàn bộ cây xanh sân trường, ...khắc phục giải toả ảnh cây sau bão YAGI toàn trường

- + Sửa chữa toàn bộ hệ thống trần nhà hành lang tầng 2,3, hệ thống chống thấm, đường ống nước, hệ thống điều hoà các lớp học

- + Đầu tư thảm trống trơn trượt nhà vệ sinh 16 lớp học

- + Thay thế, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng các hạng mục trong nhà trường: thiết bị CNTT theo mô hình trường học điện tử; CSVC điện, nước, trang thiết bị phục vụ công tác CSND-GD và sinh hoạt của trẻ.... theo phát sinh thực tế.

- + Đầu tư cải tạo sửa chữa lại nhà xe CBGVNV, máy bơm nước.

10. Chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách, chăm lo tốt đời sống cho CBGVNV, cụ thể: thu nhập bình quân 7.500.000đ - 25.000.000đ/người/tháng; quan tâm tổ chức sinh nhật, liên hoan, giao lưu, tặng quà, động viên thăm hỏi... Hỗ trợ 100% tiền may đồng phục, khám sức khỏe, tham quan dã ngoại... cho CBGVNV và học sinh trong trường.

12. Các hoạt động xã hội, từ thiện

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, các cuộc vận động ủng hộ, phát động phong trào tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách. Cụ thể đã ủng hộ quỹ phòng chống thiên tai quận Long Biên; quỹ vì người nghèo; quỹ XHH công đoàn; quỹ biển đảo; quỹ khuyến học. Đặc biệt năm học 2024 - 2025 ủng hộ các tỉnh bão lũ, 2 trường MN thuộc quận bị ảnh hưởng do bão Yagi, ủng hộ giáo viên trường Mầm non Thạch Bàn thay thận với tổng kinh phí 44.898.000đ.

12. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể.

- Phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các tổ chức chính trị, xã hội: Đảng, chính quyền, công đoàn, chi đoàn, chữ thập đỏ, phụ nữ, TTND... trong thực thi nhiệm vụ của nhà trường. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, các cuộc vận động, PTTD, nội bộ đoàn kết, thống nhất, không có đơn thư.

12.1. Tổ chức Đảng:

- Năm học 2024 - 2025: Đã chuyển đảng chính thức cho 03 đ/c, kết nạp 01 đ/c. Cử đi học cảm tình đảng 01 đ/c.

- Chi bộ đạt: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu năm 2024 (Quyết định số 352-QĐ/ĐU ngày 08/01/2025 của BCH Đảng bộ phường Giang Biên) và đạt Chi bộ 4 tốt; Giấy khen tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào "Dân vận khéo" năm 2024 (Quyết định số 353-QĐ/ĐU ngày 08/01/2025 của BCH Đảng bộ phường Giang Biên)

12.2. Tổ chức Công Đoàn:

- Năm học 2024 - 2025: công đoàn trường mầm non Đô thị Việt Hưng được LĐLĐ quận Long Biên đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

12.3. Tổ chức Đoàn Thanh Niên:

+ Năm học 2024 - 2025: Đạt giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh nhi 2024 (Quyết định số 239/QĐ-CTUBND ngày 11/12/2024 của CTUBND phường Giang Biên); Chi đoàn trường mầm non Đô thị Việt Hưng được chi đoàn thanh niên phường Giang Biên đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT quận Long Biên - Để b/c
- CBGVNV và phụ huynh - để công khai
- Lưu VP

Long Biên, ngày 05 tháng 6 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Đã: Chi Hoàng Lâm